

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

PHỤ ÂM ĐẦU "X" VỚI DIỄN BIẾN CỦA NHỮNG TỔ HỢP PHỤ ÂM TIỀN THÂN

THE INITIAL CONSONANT / s / (X)

AND THE EVOLUTION OF ITS FORMER CONSONAL CLUSTERS

ĐỖ TIẾN THẮNG

(Khoa Văn học, ĐHKHXH & NV, ĐHQG Hà Nội)

Abstract

The starting point of this article is some phenomena in Thanh Hóa dialect. The author realizes that there are many vestiges of historical phonetics connected to the initial consonant / s / (x). The author compares these vestiges in some different documents and notices that the phoneme / s / of modern Vietnamese language is fusions of */ **bl** / and */ **kl** / (or */ **k^h** /) of Common Việt-Mường language. Moreover, many manners of monosyllablization and disyllablization of */ **bl** / was assembled (except compound and reduplication).

1. Bài viết này được ra đời không phải từ mục tiêu truy nguyên hệ thống ngữ âm tiếng Việt mà ý tứ nảy sinh từ quá trình khảo sát phương ngữ Thanh Hóa và đặc biệt, tại một đảo thổ ngữ của nó [21, 22]. Khi thu thập biến thể địa phương của phụ âm / s / (X) ở đây, chúng tôi thấy nổi lên ba điểm:

i. Đại bộ phận những từ ngữ chứa phụ âm X được thể hiện như trong tiếng Việt toàn dân. Tức là, X có đủ các tiêu chí hiện đại “xát, đầu lưỡi bẹt, vô thanh” [23, 163]. Hơn nữa, tất cả các từ ngữ chứa S đều bị đồng quy về X như trong phương ngữ Bắc Bộ (ví dụ: *sâu sắc* > *xâu sắc*, *sáng sủa* > *xáng xủa*...).

ii. Có lưu tích / c / (CH) được duy trì qua hai trường hợp: (*ngôi*) *xóm* < (*ngôi*) *chòm* *hóm*, *ngã ngựa* < *bỏ chảng*. Lưu tích này rất phổ biến ở khu vực Bắc Trung Bộ (Khu IV, như cách gọi bấy nay) và là kết quả biến đổi

từ */ **c^h** / sang X trước khi Việt-Mường tách khỏi nhau [2, 88]. Cũng có lưu tích / l / qua trường hợp *xung quanh*, *chunh quanh* < *lùng quanh*. Chúng tôi sẽ còn quay lại với các trường hợp này ở phần sau của bài viết.

iii. Bây giờ *xói com* được dùng thay cho *bới com* nhưng *xói cỏ*, *xói đất* vẫn chưa phổ dụng mà thay vào đó là *xáo cỏ*, *xáo đất*; còn *bới* ‘để tìm’ thì giống ngôn ngữ toàn dân và có khi là *bươi*. Người ta cũng chỉ dùng *xù*, *xù đầu* mà không dùng *bù*, *bù đầu*... Trong tiếng Việt hiện đại, ta thấy có cả từ *xói* và *bới* (*xói đất*, *bới đất*, *đào bới*, *cày xói*...), có cả từ *xù* và *bù* (*xù đầu*, *bù đầu*, *bù xù*...) với những nét nghĩa khác nhau chút ít. Đây là điều bình thường vì “... những điểm mạnh của từng phương ngữ có thể góp phần vào ngôn ngữ toàn dân, cũng như để giúp cho các phương ngữ nhích lại ngôn ngữ toàn dân theo con đường ngắn nhất, phù hợp với cấu trúc nội bộ của từng phương ngữ” [3, 55].

Sự tồn tại của các cặp từ tương ứng như trên khiến chúng tôi có nghi vấn là liệu sự tương ứng B ~ X chỉ là hiện tượng riêng của tiếng Thanh Hóa hay là chung cho mọi miền và có phải là một diễn biến chung mang tính lịch sử?

2. Để làm sáng tỏ vấn đề, chúng tôi nương theo phương pháp lai nguyên của cổ học giả Nguyễn Tài Cần trong *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt, sơ thảo* (1995). Qua đó, tình hình ngữ liệu thu được là như sau.

i. *Từ điển từ Việt cổ* (2001) của Nguyễn Ngọc San và Đinh Văn Thiện có *ban* với tương ứng là *san* trong loạt kết hợp *ban đất, ban nền, ban mả, ban đường, ban bằng; xén lên* với nghĩa ‘nhút nhát, bồi rối’ [19].

ii. *Dictionarium Anamitico Latinum* (1838) của Taberd AJ. L có các mục từ liên quan: *ban, ban đất; bói, bói com, bói đất, bói mả; xói, xói lên, xói com; xói, đất xói; bồm, bồm xồm* [20].

iii. *Tự vị Annam – Latinh* (1772-1773) của Béhaine P. P. de – Bi Nhu Bá Đa Lộc thu thập *bài xai*: quần áo, đầu tóc xóc xếch; *ban, ban đất*: san bằng; *bói*: vạch ra; *bói lá*: vạch lá; *bói com*: xói com; *bói mả*: đào xác lên; *xói*: dùng dụng cụ lật lên (đất, com v.v... để không dính), *xói com, xói lên; xói, đất xói*: đất vụn; *bạt*: cắt bỏ; *bồm* (ngựa), *bồm xồm; xáng trời* [1].

iv. *Từ điển Việt - Bồ - La* (1651) của Rhodes A. de chưa có *bói* nhưng đã có *boi* tương đương. Ở đây *boi* được dịch giải là “bói, đào”, *boi mò* là “bói đào mò mả”. Đồng thời, mục *xói com* với dịch giải là “đào com để khỏi đóng cục” cũng được thu thập [18].

v. *Từ điển Mường – Việt* (2002, Nguyễn Văn Khang chủ biên) ghi nhận dấu tích “p” ~ “x” trong tiếng Mường, tương tự “b” ~ “x” hay “s” tiếng Việt: *pôi*: bói (*pôi com, pôi bóc.*); *xói*: xói (*xói com*) [9].

vi. *Từ điển phương ngữ tiếng Việt* (2009, Phạm Văn Hảo chủ biên [8]) cung cấp một

loạt từ ngữ rất có ích cho công việc của chúng tôi. Xin kê kê ra đây một số trường hợp: *ban*: san cho bằng phẳng; *báng*: sắn (trường hợp này cần tìm hiểu thêm nhưng lưu ý là từ điển của Béhaine P. P. de có mục *bột báng*: ‘thứ bột Ấn độ gọi là *sagu*’); *bà xòa*: lòa xòa, bù xù; *bã xòa*: lòa xòa; *bắn*: xắn quần; *báng, báng sáng ~ xáng nắng, bãng = hãng; bệ sệ, bệ sề, bệ sè*: có hình dáng thấp, xòe rộng ra; *bớ*: sờ; *bời xời*: toi tả; *bự xộn*: khá to; *bớ com*: xói com; *xộn*: bừa bãi, lộn xộn; *lớn xộn*: khá lớn; *xén lên*: bển lên; *xếp = xẻo*: xếp lép; *xói*: bót xén, ăn chặn; *xỏn*: cắt, xẻo...

vii. *Từ điển tiếng Việt* (2009, Hoàng Phê chủ biên [17]) thu thập nhiều từ rất có giá trị khiến chúng tôi suy đoán về sự tồn tại có thật của tương ứng B ~ X/S”. Chẳng hạn: *ban ~ san; bẹp ~ xẹp; bộp* ‘cây thân to, cao, gỗ xốp...’ ~ *xốp/xốp xốp* ‘không chắc và nhẹ, có nhiều lỗ hồng bên trong’; *bù ~ xù, bù xù, bù đầu*: ‘bận’; *ban*: ‘san cho bằng’; *bạt*: ‘san cho mất đi, cho bằng’, *bạt đất* (chúng tôi nghĩ *bạt* có yếu tố nghĩa gần với *sạt* (*sạt núi, sạt đường*)); *bập*: ‘kẹp lấy, ngậm lấy một cách rất nhanh’ = *sa* (chúng tôi nghĩ *bập* gần nghĩa với *sập* (*sập bẫy, đóng sập*) hơn là *kẹp, ngậm*); *bển lên = xén lên; bệt = bết* ‘dính sát vào’ (chúng tôi nghĩ *sệt* trong *đặc sệt* có cùng nét nghĩa này), *bệt = xếp = trệt* ‘sát xuống đất...’, *lết bết = lết bết = lết sệt = lết xệt = sền sệt*; *bồm xồm = bù xù = chồm bồm = lồm xồm = lù xù*; *bớt xén = bót xó; bù xù = xù; sừng sốt, sừng = chững = chựng = sừng = khựng, sừng sờ*. Từ điển này cũng thu thập hai từ rất phổ biến cùng có một nét nghĩa khi nói về vẻ mặt là *bầm* (thâm tím và hơi đen, *bầm mặt, môi bầm*) và *sầm* (tối lại, nặng nề, *sầm mặt*) v.v...

viii. Nguồn cứ liệu Hán Nôm, theo chỗ chúng tôi biết, không thể hiện sự tương ứng B ~ X/S trong cách viết như những trường hợp tương ứng khác (ví dụ, tương ứng B ~ V có thể thấy một cách dễ dàng trong cách

phiên chủ bằng Hán Việt hay qua cách viết chữ Nôm: *vây (cá) = ngư + bi; vén = thủ + ban...*). Nguyên nhân của tình trạng này có lẽ là vì chữ Hán Việt có đủ “bộ”, đủ “tự” để ghi phụ âm X, S, chẳng hạn dùng *san* (son) Hán Việt để viết *san (đất)*, dùng *thủ + ban* để viết *ban (đất)*... Tuy nhiên qua khảo sát bộ *Đại tự điển chữ Nôm* của Vũ Văn Kính (1999) chúng tôi cũng thu được một số từ ngữ liên quan như: *bãi xoài; cá xộn, cây xộn; bờ xò, xò xạc, xù xò; bót xó = cắt xón; bờm xòm; bọp xọp, đầu tóc bọp xọp; xúm miêng (bụng miêng ngày nay. Từ điển Việt – Bồ – La ghi là búm miêng, bóm miêng); bụng xụng; bại xụi, xụi căng; xuôi tay, buồng xuôi, bại xuôi* [10].

3. Như vậy, qua tám nguồn ngữ liệu dùng để đối chiếu, có thể kê ra các mẫu tiêu biểu: *bù ~ xù, bới ~ xói, bẹp ~ xẹp, bọp ~ xốp, bờm ~ xòm, bót ~ xón, bóc (vác) ~ xóc (vác); ban ~ san*. Chỉ với chừng ấy trường hợp, đến đây hoàn toàn có thể khẳng định rằng đã có một sự tương ứng giữa âm đầu / b / (B) với / s / (X) hay / ʃ / (S) trong tiếng Việt. Vấn đề đặt ra tiếp theo là sự tương ứng này xảy ra đối với cả hai âm X, S hay chỉ là một? Chúng tôi cho rằng nên quy về X vì các lẽ sau.

i. Trong chính âm và chính tả tiếng Việt từ xưa (ít nhất là từ năm sáu trăm năm trước) đã có sự “xung đột” X/S trong một số trường hợp. Chẳng hạn, trong *Annam dịch ngữ* người Hán ghi X Việt rất không thống nhất bằng S hay X Hán: “... chỉ có 7 từ nay đọc X... hai lần ghi là *tʃh*, hai lần ghi là *tsʰ*, một lần nghe nó như *tʃ*, hai lần nghe nó như *ʃ*...” [2, 86]. Trong *Đại tự điển chữ Nôm*, Vũ Văn Kính ghi (*bén*) *xén* là *sén* (*bói + suyển*), *xẹt* (*lửa*) là *sẹt* (*khẩu + liệt*), *Xòm* nhưng viết *mao + sôm*, vừa viết *sù si* vừa viết *xù xì*, vừa có *sấn tay* vừa có *xấn tay*... [theo 10, 1213, 1214, 1237...]. Từ khi có chữ Quốc ngữ đến nay tình trạng cạnh tranh X /

S này vẫn chưa kết thúc:

Từ điển Rhodes A. de (thế kỉ 17)	TĐ Béhaine P. de (thế kỉ 18)	Từ điển Hoàng Phê (thế kỉ 20)
<i>Sách đi</i>	<i>Xách</i>	<i>Xách</i>
<i>Sâm</i> ‘xông đánh’	<i>Xâm</i>	<i>Xâm</i>
<i>Sạo, Ấn lao sạo</i>	<i>Sạo</i>	<i>Lạo sạo</i>
<i>Sè, Sè cánh ra</i>	<i>Sè cánh, Sè tay</i>	<i>Sè / Xòe</i>
<i>Sái, Sái cánh / Xai, Xai mẹu</i>	<i>Xai / sái</i>	<i>Sai / Sái</i>
<i>Su si</i> ‘chăng tlon’	<i>Su si</i>	<i>Xù xì / Sù sì</i>
	<i>Su</i>	<i>Su / Xù</i>
<i>Xóc</i> ‘lắc bình’ = <i>xáo xáo, Xóc mênh</i> ‘đường xóc’, <i>Xóc áo</i> ‘xóc áo’	<i>Xóc áo, Xóc xáo</i>	<i>Súc, Súc chai cho sạch, Xóc (đường), Xóc lại quân áo</i>
<i>Sẹ</i> ‘thấp’		<i>Xẹ / Sẹ</i>
...		

Rõ ràng, việc phân định rạch ròi giữa S và X quả là không đơn giản và còn phụ thuộc vào phương ngữ, vào diễn biến của phần vần và thanh điệu.

ii. Trong tương ứng có B, chúng tôi thấy X chiếm số lượng áp đảo: *xù, xói, xòm, xom, xó, xuôi, xụi, xẹp, xó, xót, xung, xộn, xoài, xốp, xóp, xáo, xén*... còn S chỉ có chắc chắn trong *san* còn *sạt, sập, sầm* chỉ là suy đoán.

iii. Trong tiếng Mường ngày nay, S chỉ là dạng hiếm mà chủ yếu là X, thậm chí thổ ngữ Mường tiêu biểu dùng để làm từ điển không hề có mục S [x. 9].

Vậy, sự tương ứng mà chúng ta đang quan tâm chỉ là B ~ X.

4. Sau khi có đủ nguồn ngữ liệu để khẳng định rằng tương ứng B ~ X là hiện tượng của nhiều phương ngữ, của toàn bộ tiếng Việt, vấn đề tiếp theo được đặt ra là sự tương ứng này có **phát lộ** một diễn biến lịch sử nào không?

Nguyễn Tài Cẩn đã đề cập đến hai âm vị mà chúng tôi đang xem xét. Theo GS, âm vị B hiện đại có gốc tích Hán thượng cổ và

Proto Việt-Chứt là *p, *b; còn X “hình thành chưa thật lâu, nhưng chắc chắn thế kỉ 17 đã có mặt và phát âm gần như ngày nay”. Tiền thân của X đối với khối từ ngữ gốc Hán, theo Ferlus M. là */t^h > tʃ > ɕ / > X, hoặc theo Nguyễn Tài Cẩn là */t's^h > t^h / > X. Đối với các từ ngữ bản địa thì diễn biến là */c^h / (CH^H) > X [2, 41, 86, 88, 288]. Vậy, ta đã có một tiền đề là B có “tuổi” cao hơn X, nhưng có phải B sản sinh ra X không? Nếu xét riêng rẽ từng trường hợp như *bới* ~ *xới*, *bẩn* ~ *xẩn* (quần), *bại* ~ *xái* thì có vẻ là như vậy. Nhưng những gì mà chúng tôi trình bày dưới đây cho thấy sự thực không hẳn thế.

Trong *Từ điển Việt – Bồ – La*, Rhodes A. de đã ghi:

1. *Blà tǎoc*: Xả tóc. *Tǎoc blà bluroc*: Tóc không chải.
2. *Blài, Núi blài*: Sườn núi không giốc lấm.
3. *Blan*: Bàn hay trang thờ. Đứng hơn, *bàn*.
4. *Blau*: San, làm cho bằng. *Blau đất*: San bằng đất.
5. *Blêy*: Bôi, tô, trát.
6. *Blệt*: Cụt một tay. *Blệt chân*: Bị bại chân. *Blệt tay*: Bị bại tay.
7. *Blệt, Ngồi blệt*: ngồi trên gót chân, *Lê blệt*: Đi bốn chân như mèo, lết.
8. *Bluroc. Tǎoc blà bluroc*: Tóc bù xù, tóc không chải.
9. *Blay tay = say tay* [18, 39 – 41, 200].

Cách ghi của giáo sĩ nổi tiếng này rõ ràng cho ta thấy dạng thức BL ít nhất là còn tồn tại cho đến thế kỉ 17 và quan trọng hơn là nó cho thấy một quá khứ của X liên quan đến B. Đây là một trong những tổ hợp phụ âm cổ có khả năng sản sinh cao nhất khiến hàng loạt các phụ âm “đơn” phải “soi” mình qua nó. Để dễ hiểu, trước tiên chúng ta xét trường hợp quen thuộc là *trời*. *Trời* xuất

thân từ *blời* và được Vương Lộc, Hoàng Thị Ngọc coi là xu hướng biến đổi thứ hai của *bl*: bảo lưu yếu tố thứ hai của tổ hợp. Xu hướng thứ nhất là hần hữu, “Đi theo con đường không điển hình là để rớt yếu tố đứng sau, giữ lại yếu tố đứng trước..., *blời* > *bời*” [xem 15, 108; 2, 311]. Chúng tôi không nghĩ như vậy vì hai điểm: a) Việc rụng yếu tố sau cũng rất phổ biến, như sẽ thấy ở bảng dưới đây; b) Thật khó giải thích việc bảo lưu yếu tố thứ hai –l là “tr” vì trường hợp (*Đức chúa*) *Lời* đã chiếm vị trí này. Do vậy, nên xác định diễn biến của *blời* theo 3 trong 5 phương thức mà từ 1912 nhà bác học Maspéro H. đã dự tính [x.13]. Đó là: (1) Bảo lưu yếu tố sau, làm mất yếu tố trước, gọi tắt là **Rụng trước - lờ**; (2) Bảo lưu yếu tố trước, làm mất yếu tố sau, gọi tắt là **Rụng sau - bời** và (3) Biến đổi cả tổ hợp thành một dạng khác, có thể tạm gọi là Hòa biến hay là **Hòa đúc (fusion) - trời**. Trần Trọng Dương, người đã có rất nhiều ý kiến quý giá cho bài viết này, còn cung cấp thêm dạng *xời* trong khẩu ngữ Hà Nội (*Xời ơi!*). Chúng tôi nghĩ *blời* cũng còn một kiểu Hòa đúc thứ hai kém phổ dụng hơn là *xời*. Xin nói thêm là, về nguyên tắc, có 3 phương thức nhưng không phải trường hợp nào cũng diễn ra đều đặn như vậy.

Bây giờ chúng ta xét đến toàn bộ mối quan hệ B ~ X từ cách ghi BL, ngoài trường hợp *blời* như vừa làm mẫu. Có thể tập hợp diễn biến của các trường hợp BL ở *Từ điển Việt – Bồ – La* và một số trường hợp chúng tôi tái lập *bl- vào bảng dưới đây. Trong bảng này, để việc theo dõi được dễ dàng, chúng tôi tạm bỏ qua diễn biến ở vần và thanh điệu, đồng thời nêu thêm trường hợp *chôm hóm* và hai trường hợp đang còn bỏ ngõ là *xắng (nắng)* và (*hụt*) *hắng* liên quan đến diễn biến */c^h / (CH^H) > X [2, 88]. (Chúng tôi coi *c^h cũng là một tổ hợp gồm 2 yếu tố – CH và H).

TỔ HỢP	(1) RỤNG TRƯỚC	(2) RỤNG SAU	(3) HÒA ĐÚC	GHI CHÚ
<i>Blà (tảo)</i>	-	<i>Bà</i>	<i>Xà > xõa</i>	
<i>Blài (núi)</i>	-	<i>Bài/bai/bái</i>	<i>Xoài</i>	Cũng có <i>thoài</i>
<i>Blau (đất)</i>	-	<i>Ban</i>	<i>San</i>	
<i>Blan</i>	-	<i>Bàn</i>	-	
<i>Blay (tay)</i>	-	<i>Bại/bài</i>	<i>Xai/sai/sái</i>	
<i>Blêy</i>	-	<i>Bây</i>	-	Cũng có <i>dây</i>
<i>Blệt (chên, tay)</i>	<i>Liệt</i>	-	-	
<i>Blược</i>	(cái) <i>Lược (?)</i>	-	<i>Xước/xóp</i>	‘xoăn, rồi, vênh’
<i>Blệt (ngôi, đi)</i>	<i>Lét</i>	<i>Bệt</i>	<i>Xệt/sệt</i>	Cũng có <i>trệt</i>
*bl-	-	<i>Bù</i>	<i>Xù</i>	
*bl-	-	<i>Bòm</i>	<i>Xòm</i>	Cũng có <i>chòm</i>
*bl-	-	<i>Bới</i>	<i>Xới</i>	
*bl-	-	<i>Bộp</i>	<i>Xóp/xốp</i>	
*bl-	<i>Lép</i>	<i>Bep</i>	<i>Xep</i>	
*bl-	-	<i>Bập</i>	<i>Sấp</i>	
*bl-	-	<i>Bóc</i>	<i>Xóc</i>	
*bl-	<i>Len</i>	-	<i>Xen</i>	Cũng có <i>chen</i>
*bl	-	<i>Bụng/Búng</i>	<i>Xụng/súng</i>	Cũng có (phù) <i>thùng</i>
*bl	<i>Lùng (quanh)</i>	<i>Bùng (binh)</i>	<i>Xung (quanh)</i>	Cũng có <i>chung (quanh)</i>
*c ^h om	-	<i>Chôm</i>	<i>Xôm</i>	Nhảy <i>chôm chôm</i>
*c ^h əŋ	<i>Hằng/ hừng (nặng)</i>	-	<i>Xăng (nặng)</i>	Cũng có <i>bằng/ bưng (nặng, sáng)</i>
*c ^h əŋ	<i>Hằng</i>	(Bỏ) <i>chằng (Th, Hóa), chững (lại)</i>	<i>Sừng (sốt) / Sừng (sờ)</i>	Cũng có <i>bằng, bống</i> . Còn có <i>tung hừng</i>

Ở cột Ghi chú chúng tôi có đưa thêm các trường hợp cùng với X của BL còn có CH, TR, T (*chen, trệt, tung (hừng)*); cùng với X của *c^h còn có B khiến tình hình càng trở nên phức tạp. Phải chăng trên đường trở thành X còn có trung gian CH và TR (**blen* > *chen* > *xen*, *blệt* > *trệt* > *sệt/xệt*)? Thoạt nhìn vào phương ngữ thì có vẻ như vậy: TR, CH gặp ở Khu IV (*trệt, trời, bòm chòm, chen kê*); X gặp ở Bắc Bộ (*xệt, xời, bòm xòm, xen kê*). Nhưng xem xét kỹ thì chưa hẳn: Bắc Bộ lại nói *choãi, chọc, chung quanh, tung hừng* trong khi Khu IV vẫn nói *xoãi, xọc, xung quanh, chằng hằng...* Cần một biện luận dựa trên những ngữ liệu thuyết phục hơn cho sự kiện này. Trong lúc chờ nghiên cứu thêm, chúng tôi tạm cho rằng **việc Hòa đúc một tổ hợp phụ âm có thể dẫn đến những kết quả khác nhau ở những vùng khác nhau và ở những từ**

khác nhau. Tức là:

- Hòa đúc 1: BL > X, vd: *blài* > *xoãi/xoãi, blời* > *xời, blệt* > *xệt/sệt, blay* > *xai/ sái*; CH^H > X, vd: *xăng (nặng), sừng (người), (ngôi) xôm*;

- Hòa đúc 2, BL > CH, TR, vd: *blài* > *choãi, blúc* > *chúc* (xuống) **blen* > *chen, *blòm* > *chòm, blời* > *trời, blệt* > *trệt*; CH^H > B, vd: *bằng/bưng (sáng), bống (nhiên), bãng (= hằng chân)*.

Mỗi “khuôn đúc” *bl và *c^h, theo đó, đều có thể cho ra đời hai “dòng sản phẩm”. Một trong hai dòng sản phẩm của BL có thể trùng với một trong hai dòng sản phẩm của CH^H. Việc lẫn vào nhau hay kéo theo nhau, do đó, rất dễ xảy ra. Thậm chí, nhìn cách A.de Rhodes ghi chép, chúng tôi thấy có thể còn có nhiều kiểu hòa đúc khác từ BL. Đó là:

- Hòa đúc 3: BL > D/GI (*blun* > *giun*,

blây > dây (bản), blời > giời, blo > gio (bếp), blái tai > dài tai, blán > dán, dâm (nước), blang > giăng – trắng,...);

- Hòa đúc 4: BL > NH (*blộ > nhỏ, blũ > nhủ* (Thanh Hóa) – *nhúng, blán > nhán (chìm)*)⁽¹⁾;

- Hòa đúc 5: BL > T (*blét miệng > toét miệng, blẻ đàng > tẻ đàng* (Thanh Hóa) – *rẽ đường, blang > tãng (trắng)*);

- Hòa đúc 6: BL > TH (*blài > (thoai) thoải, blui > thui (lùi, nướng), *blung > (phù) thùng*).

Cũng có thể “gom” những sự hòa đúc này vào các dạng trung gian như: BL > TR/CH > GI/D, vd: *blun > trùn > giun*; BL > D > NH, vd: *blũ > dúng > nhúng*; BL > X > TH, vd: *blài > xoài > thoải*. Nhưng, như trên đã nói, việc giải thích cho lồi đi, thời gian của các dạng trung gian là không dễ. Và lại, có những trường hợp rất khó tìm dạng trung gian, như *xói, xù, xõa, san* ⁽²⁾... Như vậy, tình hình đã trở nên quá phức tạp và rắc rối song vẫn nằm trong khuôn khổ của phương thức biến đổi thứ tư mà Maspéro H. đã trù liệu: **hai ba tổ hợp có thể nhập vào nhau để biến đổi** [x. 13].

Hai kiểu Hòa đúc 5 và 6 có thể giúp chúng ta giải thích sự tồn tại của cách phát âm T, TH tương đương TR, S/X và ngược lại ở một số địa phương ven biển Thanh Hóa, Nam Định, Thái Bình (có câu nói vui: *Con trâu tắng đứng bờ te đêm thao tháng – con trâu trắng đứng bờ tre đêm sao sáng*). Nó cũng có thể giúp chúng ta hiểu thêm về trường hợp *tâng/tung (hùng)*. Đây có thể là một kiểu hòa đúc khác từ CH^H hoặc là một dạng “lấn” của BL và CH^H, kể cả TL (ở Từ điển Việt – Bồ – La đã có hiện tượng “lấn” BL với TL: có *blái, blộn, blan, blang...* nhưng cũng có *tlái, tlon, tlan, tlang* để cùng đưa đến *trái, trợn, bàn, trắng*. Đó là chưa kể, khi đối chiếu với tiếng Thà Vượng để tái lập quá khứ xa hơn nữa, Nguyễn Tài Căn còn phát hiện nguồn gốc T, T^H của X tiếng Việt ở một số từ, bên cạnh nguồn chính là

CH^H [2, 88].

Cần phải nói thêm rằng, cách ghi của Rhodes A. de cho thấy sự tranh chấp không chỉ giữa BL với TL mà còn giữa BL với B, L, X. Chẳng hạn, bên cạnh *blet* lại có *liet / liệt*; bên cạnh *blá tãoc* lại có *bói tãoc* (búi tóc), *xóp tóc*; không có “blời” nhưng đã có *boi* (bói); vừa có *blan*, vừa có *bàn*; vừa có *boi* (bói), vừa có *xói*... Đặc biệt, nó còn cho thấy một **ngữ lực** mạnh mẽ của của tiếng Việt qua trường hợp kéo các từ đơn tiết của Hán (*bàn, bại, liệt*) vào cấu trúc C₁C₂VC. Chúng tôi nghĩ, các nghi vấn về *sen, sáp, sức* trở thành có tổ hợp âm đầu mà Nguyễn Tài Căn nêu ra cũng có thể được giải thích bằng sự “nhập làn” thứ vị này [2, 114].

Niên đại của BL không dừng lại ở thế kỉ 17. Trong *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh*, một văn bản Nôm thuộc loại cổ nhất (thế kỉ 11 – 12) có ba lần từ *bói* xuất hiện. Điều đáng nói ở đây là *bói* vẫn còn dạng BL hay song tiết nên chữ Nôm viết bằng *ba + lai* [15, 59].

Rõ ràng quá trình biến đổi của một âm là lâu dài và rối rắm nhưng không thể phủ nhận một điều rằng tuy B có “tuổi đời” cao hơn X nhưng không trực tiếp biến đổi thành X. Đến đây đã có thể nêu nhận xét rằng: **Ngoài nguồn gốc CH^H, X còn là sản phẩm của quá trình hòa đúc tổ hợp phụ âm BL trong quá khứ.**

5. Quá trình biến đổi từ tổ hợp C₁C₂, cụ thể là từ tổ hợp BL đến X mà chúng tôi trình bày như trên có thể gọi là xu hướng **đơn tiết hóa**. Vẫn còn một xu hướng phát triển quan trọng không kém xảy ra đối với tổ hợp này là **song tiết hóa**.

Hiện tượng song tiết hay bán song tiết vốn là một dạng khởi thủy của tiếng Việt từ giai đoạn Proto Việt-Mường trở về trước, sau đó biến đổi thành đơn tiết [5, 322] mà nguyên nhân chủ yếu là do tiếp xúc với các ngôn ngữ đơn tiết (Tày-Thái, Hán). Khi đã trở thành đơn tiết, lại nảy sinh sự “tái cấu trúc” song tiết theo nhiều phương thức khác

nhau để làm giàu kho từ vựng, đáp ứng nhu cầu giao tiếp và tư duy ngày một phức tạp. Có hai phương thức “kinh điển” dễ dàng nhận ra là ghép nghĩa (vd: *đào bới, bới đào, phù sũng, bại liệt...*) và lấy âm (vd: *bồm bộp, xôm xốp, chồm chồm, lờ lờ, mờ mờ, nhờ nhờ...*) từ các tiếng đã được đơn tiết hóa. Cũng còn rất nhiều điều cần thảo luận về Ghép và Lấy nhưng không phải đối tượng của bài này. Ở đây, chúng tôi nói về các phương thức song tiết hóa khác.

Trên đường đơn tiết hóa đến dạng CVC hiện nay, như đã biết, lại có thể có “quá độ” hay song hành với dạng C_1C_2VC , một dạng có *số lượng từ lớn nhất* thời Proto Việt-Chứt [2, 240]. Chính dạng này đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi để song tiết hóa mà **có thể chưa cần đến sự hoàn thiện của đơn tiết hóa**. Chẳng hạn, mỗi yếu tố của tổ hợp phụ âm lại có thể “mở rộng” thành âm tiết riêng. Đây chính là phương thức thứ 5, **âm tiết hóa mỗi yếu tố của tổ hợp** mà Maspéro H. đã nêu [13]. Nhưng đó mới chỉ là phương thức chung. Thực tế còn nhiều phương thức cụ thể, như dưới đây chúng tôi giải trình.

Hiểu thấu ý tưởng của Maspéro H. và hướng đề xuất của Vũ Đức Nghiệu, Trần Trọng Dương đã rất thành công trong việc lí giải những câu thơ sáu chữ chen lẫn thể thất ngôn của Nguyễn Trãi bằng thao tác phục dựng dạng song tiết của cấu trúc C_1C_2VC [6]. Tiếp nối cách xử lí hiệu quả của nhà nghiên cứu trẻ này, chúng tôi tập hợp được 5 phương thức song tiết hóa (ngoài Ghép và Lấy) từ quan hệ giữa B, X và L với tổ hợp BL như sau.

I. Sản phẩm của phương thức Rụng trước

Tổ hợp phụ âm	I = (1) + (3) <i>L - X</i>	II = (2) + (3) <i>B - X</i>	III = (1) + (2) <i>L - B</i>	IV: Chấp vắn C_1 <i>B - L</i>	V: Âm tiết hóa C_1 <i>B - L</i>
<i>Blà</i>	<i>Lòa xòa</i>	<i>Bà xòa / bã xòa</i>			
<i>Blài</i>		<i>Bãi xoãi</i>			
<i>Blệt</i>	<i>Lệt xệt/lệt</i>	<i>Bệt sệt/bệt xệt</i>	<i>Lệt bệt</i>		

– trên đây ghi là (1) – BL > L, **hòa kết** với sản phẩm của phương thức Hòa đúc – trên đây ghi là (3) – BL > X, đưa đến kiểu song tiết có cấu trúc L – X. Ví dụ: [*blệt > lệt / lệt + blệt > sệt / xệt*] > *lệt sệt / lệt xệt*. (Chúng tôi dùng thuật ngữ *hòa kết* ở đây khác với *hòa kết* trong loại hình ngôn ngữ).

II. Sản phẩm của phương thức Rụng sau – (2) – BL > B hòa kết với sản phẩm của Hòa đúc – (3) đưa đến kiểu song tiết có cấu trúc B – X. Ví dụ: [*blài > bãi + blài > xài*] > *bãi xài / bãi xài/ bãi xoãi/ bãi xoãi*.

III. Sản phẩm của phương thức Rụng trước – (1) hòa kết với sản phẩm của phương thức Rụng sau – (2) đưa đến kiểu song tiết có cấu trúc L – B. Ví dụ: [*blệt > lệt + blệt > bệt*] > *lệt bệt / lệt bệt*. Lưu ý là ở phương thức này, trật tự của tổ hợp BL đã bị đảo thành L – B.

IV. Chấp vắn: lấy toàn bộ vắn của âm tiết chính chấp vào yếu tố đầu của tổ hợp âm tiết, ví dụ: *thòng lọng, thung lũng, thuồng luồng* [6]. Trật tự BL ở phương thức này vẫn được giữ để đưa đến kiểu song tiết B – L như *bẽn lẽn*.

V. Âm tiết hóa C_1 như *mlem > *ma lem*, *mlanh > *ma lanh*, *blap > *ba láp*, *bkâu > *bò câu*... (ví dụ của Trần Trọng Dương, Vũ Đức Nghiệu [6]. Chúng tôi nghĩ rằng, có thể ở BL cũng có phương thức V như *bỏ liêu* (cây thủy dương), *bỏ lao, bỏ lao* (cái chuông) [11, 38].

Có thể theo dõi 5 phương thức hòa kết từ BL trong bảng dưới đây⁽³⁾. (Chúng tôi cũng nêu thêm vài trường hợp được hòa kết từ CH^H, T^H).

	<i>sết</i>				
*bl-	<i>Lù xù</i>	<i>Bù xù</i>			
*bl	<i>Lép xep</i>	<i>Bep xep</i>	<i>Lep bep</i>		
*bl-	<i>Lòm xòm</i>	<i>Bòm xòm</i>			
*bl-		<i>Bệ sê / bệ xê</i>			
*bl-		<i>Búa xua</i>			
*bl-		<i>Bung xung</i>			
*bl-		<i>Bụng xụng</i>			
*bl-		<i>Bén xén</i>		<i>Bền lền</i>	
*bl-			<i>Làm bằm</i>		
*bl-			<i>Lang bang</i>		
*bl-			<i>Lông bông</i>		
*bl-	<i>Lup xup</i>				
*bl-	<i>Lộn xộn</i>				
*bl-	<i>Lăng xăng</i>	<i>Băng xăng</i>			
*bl / *pəl					<i>Bô liễu</i>
*c ^h om				<i>Chôm hóm</i>	
*c ^h əŋ				<i>Châng hâng</i>	
*t ^h əŋ				<i>Tâng hâng</i>	

Những phương thức đơn tiết hóa, song tiết hóa như vừa trình bày cho thấy một quy luật thú vị: **Một số âm tiết có phụ âm đầu là biến đổi lịch sử của nhau lại có thể hòa kết với nhau thành nhiều tổ chức song tiết.** Nắm được những phương thức này, chúng ta có thể xử lí được nhiều vấn đề lâu nay còn “tồn đọng” (nguyên nhân tồn tại câu thơ Nôm 6 chữ trong thể thất ngôn, lí do của *hừng (nắng)*, *hặng (hụt)* là những ví dụ). Nó cũng có thể có ích cho việc xác định các phương thức cấu tạo từ đa tiết, nhất là từ láy (chẳng hạn, khi gặp những sự phối âm có quy luật hẳn hoi như *bù xù*, *bòm xòm*, *lét bết*... chúng tôi nghĩ đến kiểu “từ láy giả” đã xảy ra với kho từ gốc Môn-Khmer [16, 304], kho từ gốc Hán [14, 181]). Những trường hợp gần gũi giữa tiếng Việt và tiếng Khmer cũng có thể tìm được lời giải thích từ các phương thức đó ⁽⁴⁾...

6. Trong khi khảo sát tiếng Thanh Hóa, chúng tôi còn gặp đối ứng / s / ~ / k / (X ~ Q) ở trường hợp *xoăn ~ quăn* và *xáng (sáng) ~ quang*. Nơi đây có lỗi nói rất nên được quan tâm như *toóc quăn*, *con chùn*

quăn (loại giun xoắn mình khi lên khỏi đất), *đao quăn* (dao bị cong); *chầu dít quang* (trời rất sáng). Có thể coi đây là một chứng tích lịch sử vì ngay trong ngôn ngữ toàn dân, chúng ta vẫn quan sát được tương ứng X ~ Q như *xoẹt (lừa) ~ quẹt (lừa)*, *xoay ~ quay*, *xoăn (đuôi) ~ quăn (đuôi)*, *xoăn xít ~ quăn quýt*, *sắt / xắt (lại) ~ quắt*, *xánh/sánh ~ quánh*... Trường hợp *quá xá*, theo logic này, quy vào tương ứng X ~ Q thì cũng có phân hợp lí. Dù chưa có tương ứng đều đặn nhưng nhóm từ chỉ sự ‘không thẳng’ có phụ âm đầu Q sau đây cũng gợi cho người bản ngữ liên tưởng tới X: (*xung*) *quanh*, (*dao*) *quắm*, *quấp (nhau)*, (*lông*) *quặm*, (*râu*) *quấp*...

Kiểm chứng qua *Từ điển Việt – Bồ – La* chúng tôi thấy có *quại*, *rắn đi quăn quại*, có *quăn quại = quại*, có *quay*, *rắn đi quay quắt*, *quay đầu*, có *quanh* nhưng chưa có *xoăn*, *xoay* [18, 185 – 186]. Điều đó chứng tỏ vào thế kỉ 17, X chưa phải là phổ biến cho bối cảnh ngữ âm / sw/. Trong từ điển này còn trường hợp *xuóc rác* cùng một

nghĩa *quét* có thể có tương ứng Q ~ X. Đối chiếu với tiếng Mường chúng tôi cũng thấy chỉ có *quăn, quăn, quay* mà không thấy *xoăn, xoăn, xoay* [9, 406]. Do đó, hoàn toàn có thể xác lập tương ứng Q Mường ~ X Việt. Diễn biến ở khối từ Hán Việt, theo Nguyễn Tài Cẩn, trong 7 nguồn thượng cổ là xuất thân của X ngày nay, cũng có 2 nguồn có yếu tố *k (cụ thể là *k^{jh} và *k^{hi}) [2, 300]. Chúng tôi cũng ngờ rằng nhóm từ này có nguồn gốc Hán hay Tày-Thái (tiếng Tày gọi *dao quắm* là *tao kho, tóc quăn* là *p'ôm kho*).

Còn nữa, Hoàng Thị Châu cho biết vẫn có tổ hợp KL ở thế kỉ 18 [theo 14, 317]. Nếu vậy, rất có thể diễn ra quá trình Rụng sau thành K, Hòa đúc thành X (?). Thậm chí Từ điển Hoàng Phê còn thu thập *khụng* là đồng nghĩa với *sừng, chững*.

Vậy, tuy chưa có nhiều ngữ liệu nhưng đã có thể phải ghi nhận thêm một tiền thân nữa của phụ âm đầu X tiếng Việt hiện đại là một tổ hợp có */k- / (kl hoặc k^h) với niên đại chậm nhất là trước khi tiếng Việt và tiếng Mường chia tách nhau (Mường giữ lại K, Việt hòa đúc thành X trong khi vẫn còn K).

7. Để kết thúc bài viết, chúng tôi xin tóm lược vài điều như sau:

i. Kho từ ngữ tiếng Việt hiện đại mang âm đầu /s / (X) xuất thân từ nhiều nguồn khác nhau: a) một số đến thẳng từ */s / Hán thượng cổ; b) một số đến từ Hán thượng cổ nhưng qua trung gian */s / hay */t^h / (“th bật hơi”); c) một số đến từ */c^h / (“ch bật hơi”); d) số khác được hòa đúc từ tổ hợp */bl /; số ít hơn có thể được hòa đúc từ tổ hợp */kl / hay */k^h /. Ba nguồn sau đều có niên đại là giai đoạn Việt-Mường Chung.

ii. Dạng thức C₁C₂VC có thể được đơn tiết hóa theo ba phương thức: Rụng trước, Rụng sau và Hòa đúc. /s / (X) là sản phẩm của phương thức thứ ba.

iii. Ngoài phương thức ghép và láy, còn 5 phương thức song tiết hóa từ dạng thức C₁C₂VC: a) Rụng trước hòa kết với Hòa đúc; b) Rụng sau hòa kết với Hòa đúc; c) Rụng trước hòa kết với Rụng sau; d) Chắp vào C₁ và e) Âm tiết hóa C₁.

⁽¹⁾ Nguyễn Tuấn Cường đã chứng minh một cách thuyết phục là có cả TR (*trấn/trán*) [4]. Đây là kiểu Hòa đúc 2 rất phổ biến của BL (*blán > trán*, tương tự như *blời > trời*). Nguyễn Văn Lợi cho rằng thế kỉ 17 cũng đã có D, GI để ghi các âm “hữu thanh thờ” [12].

⁽²⁾ Có thể dạng trung gian chỉ xảy ra ở các trường hợp “lẩn” giữa BL và TL nhưng điều này cần được khảo kĩ hơn bằng cứ liệu chữ Nôm, chẳng hạn.

⁽³⁾ Đôi khi trật tự các âm tiết trong khuôn L – X, B – X, L – B có thể đảo như *xén lên, xô bỏ, bông lông*. Đây là xu thế chung của sự hòa kết chứ không riêng BL [xem 5]. Chúng tôi cũng chỉ nêu dạng tiêu biểu, không nêu hết các biến thể khác như *lòm chòm, chòm bờm, lòm chòm*...

⁽⁴⁾ Ví dụ: t'reilɔs ~ (*cá*) *lóc* = (*cá*) *tràu* = (*cá*) *sốp / xốp* (vd của Nguyễn Hùng Vĩ, Từ điển Việt – Bồ – La ghi là *cá sốp*), sbep ~ *xep / bẹp > bẹp xep*, t'not ~ *thốt nốt*...

Tài liệu trích dẫn

1. Béhaine P. P de (1772-17730), *Từ vựng Annam Latinh*, Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên dịch và giới thiệu, NXB Tp Hồ Chí Minh, 1999.

2. Nguyễn Tài Căn (1995), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt – sơ thảo*, NXB Giáo dục.
3. Hoàng Thị Châu (2004), *Phương ngữ học tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Tuấn Cường (2005), *Truyện Kiều: Thử tìm hiểu một âm đọc cổ của chữ Nôm vẫn đọc là “Dấn / Gián”*, Tạp chí Hán Nôm, số 5 – 2005, tr. 58 – 64.
5. Trần Trí Dõi (2011), *Một vài vấn đề nghiên cứu so sánh – lịch sử nhóm ngôn ngữ Việt-Mường*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
6. Trần Trọng Dương (2012) *Giải mã những câu thơ sáu chữ trong Quốc âm thi tập từ ngã đường ngữ âm học lịch sử*, (sắp công bố).
7. Ferlus M. (1992), *Histoire abrégée de l'évolution des consonnes initiales du Vietnamien et du SinoVietnamien - MonKhmer Studies*, 20.
8. Phạm Văn Hào (chủ biên, 2009), *Từ điển phương ngữ tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội.
9. Nguyễn Văn Khang (chủ biên, 2002), *Từ điển Mường – Việt*, NXB Văn hóa Dân tộc.
10. Vũ Văn Kính (1999) *Đại tự điển chữ Nôm*, NXB Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
11. Vương Lộc (2005), *Từ ngữ lịch sử, Từ ngữ văn thơ Nôm*, NXB Nghệ An.
12. Nguyễn Văn Lợi (2010), *Phục nguyên hệ thống ngữ âm tiếng Việt thế kỷ XVII (Trên cơ sở Ditionarium Annamiticum Lusianum et Latinum (Từ điển Việt - Bồ Đào Nha - Latin) của A. de Rhodes, Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư, số 5 (7), 9 – 2010, tr.16 – 29.*
13. Maspéro H. *Etudes sur la phonétique historique de la langue Annamite, Les Innitiales*. BEFEO Vol.12. no1. 1912.
14. Vũ Đức Nghiệu (2011), *Lược khảo lịch sử từ vựng tiếng Việt*, NXB Đại học Quốc gia HN.
15. Hoàng Thị Ngọc (1999), *Chữ Nôm và tiếng Việt qua bản giải âm Phật thuyết đại báo phụ mẫu an trọng kính*, NXB Khoa học Xã hội.
16. Phan Ngọc (1986), *Một số từ Việt cùng gốc với từ Khome trong Những vấn đề ngôn ngữ học về các ngôn ngữ phương Đông*, Viện Ngôn ngữ học, Ủy ban Khoa học Xã hội.
17. Hoàng Phê (chủ biên, 2009), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
18. Rhodes A. de (1651), *Từ điển Annam-Lusitan-Latinh (Việt – Bồ – La)*, NXB Khoa học Xã hội, 1991.
19. Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện (2001), *Từ điển từ Việt cổ*, NXB Văn hóa Thông tin..
20. Taberd A J. L. (1838), *Dictionarium Anamitico Latinum*, NXB Văn học, 2004.
21. Đỗ Tiến Thắng (1988) *Góp ý thêm về một ranh giới phương ngôn*, Kì yếu Hội thảo Khoa học *Những vấn đề ngôn ngữ học*, Khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội.
22. Đỗ Tiến Thắng (2009) *Những chứng tích ngữ âm lịch sử trong đảo thổ ngữ Vĩnh Gia, Hoàng Phượng, Hoàng Hóa, Thanh Hóa*, Đề tài cấp ĐHQG Hà Nội.
23. Đoàn Thiện Thuật (1977), *Ngữ âm tiếng Việt*, NXB Đại học và THCN.